BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ỦY BAN KIỂM TRA
*
Số 17-HD/UBKTTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025

HƯỚNG DẪN
công tác nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

---

- Căn cứ Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

- Căn cứ Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

- Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Căn cứ Kết luận số 161-KL/TW, ngày 31/5/2025 của Bộ Chính trị về độ tuổi tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 đối với 04 đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng ủy trực thuộc và 02 đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy mới thành lập;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng như sau:

I- VỀ SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU, TIÊU CHUẨN VÀ ĐỘ TUỔI

1. Số lượng, cơ cấu ủy ban kiểm tra

1.1. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

a) Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên chuyên trách, riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh số lượng từ 13 đến 15 uỷ viên chuyên trách *(do cấp uỷ quyết định).*

b) Chủ nhiệm là uỷ viên ban thường vụ, từ 03 đến 04 phó chủ nhiệm *(phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên)* và một số uỷ viên; riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không quá 05 phó chủ nhiệm.

1.2. Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội và Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

a) Số lượng từ 09 đến 11 ủy viên; riêng Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ từ 11 đến 13 ủy viên *(do cấp uỷ quyết định)*; trong đó có một số ủy viên kiêm nhiệm và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra là đồng chí phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ đảng ủy kiêm nhiệm.

b) Các ủy viên chuyên trách gồm: Từ 02 đến 03 phó chủ nhiệm và một số uỷ viên *(riêng Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Chính phủ có từ 03 đến 04 phó chủ nhiệm)*; phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên.

1.3. Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương

a) Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên *(do Quân uỷ Trung ương quyết định)*, trong đó có từ 8 đến 10 uỷ viên chuyên trách và từ 03 đến 05 uỷ viên kiêm nhiệm *(bao gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Cục trưởng Cục Tổ chức; Cục trưởng Cục Cán bộ; Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng)*; có 02 đến 03 uỷ viên là Uỷ viên Quân uỷ Trung ương.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: 04 phó chủ nhiệm *(phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên)* và một số uỷ viên.

1.4. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương

a) Số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên *(do Đảng uỷ Công an Trung ương quyết định)*, trong đó có từ 08 đến 10 uỷ viên chuyên trách và từ 3 đến 5 uỷ viên kiêm nhiệm *(bao gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Phó Bí thư hoặc Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an; Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Chánh Thanh tra Bộ Công an)*; có từ 02 đến 03 uỷ viên là Ủy viên Đảng uỷ Công an Trung ương.

b) Các uỷ viên chuyên trách gồm: 04 phó chủ nhiệm *(phó chủ nhiệm thường trực là cấp uỷ viên)* và một số uỷ viên.

1.5. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở

1.5.1. Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường trực thuộc cấp tỉnh

Số lượng từ 03 đến 07 uỷ viên chuyên trách *(do cấp uỷ quyết định)*, trong đó phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ đảng ủy làm chủ nhiệm; từ 01 đến 02 phó chủ nhiệm *(trong đó 01 phó chủ nhiệm là cấp ủy viên). Cụ thể:*

- Đảng bộ xã không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và đặc khu (có quy mô tương đương) thì bố trí số lượng từ 03 đến 05 ủy viên.

- Đảng bộ của xã, phường hợp nhất, sáp nhập và đặc khu (có quy mô tương đương) thì bố trí số lượng từ 05 đến 07 ủy viên.

1.5.2. Uỷ ban kiểm tra đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố; ủy ban kiểm tra đảng ủy ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên trực tiếp khác

a) Số lượng từ 05 đến 07 uỷ viên, có từ 02 đến 03 ủy viên kiêm nhiệm *(do cấp uỷ quyết định),* trong đó phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ làm chủ nhiệm; từ 01 đến 02 phó chủ nhiệm.

b) Các ủy viên chuyên trách gồm: Phó chủ nhiệm là cấp ủy viên và một số ủy viên.

1.6. Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở (ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở trong các đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội và Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; trong đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng bộ các cơ quan đảng và đảng bộ ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp cơ sở được giao hoặc thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở)

a) Số lượng từ 03 đến 05 uỷ viên, gồm ủy viên chuyên trách và kiêm nhiệm *(do cấp uỷ quyết định)*, chủ nhiệm là phó bí thư hoặc uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, có 01 phó chủ nhiệm; các ủy viên kiêm nhiệm có thể là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc đảng viên phụ trách công tác đoàn thể, bí thư chi bộ.

b) Các ủy viên chuyên trách gồm: Phó chủ nhiệm là cấp ủy viên và một số ủy viên.

Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thuộc 04 đảng ủy trực thuộc Trung ương mới thành lập và 02 đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy mới thành lập bố trí ủy viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm do cấp uỷ quyết định gồm phó chủ nhiệm là cấp ủy viên và một số ủy viên.

1.7. Ủy ban kiểm tra đảng ủy đặc khu trực thuộc cấp tỉnh, thành phố

a) Trường hợp đủ điều kiện thành lập đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở, thực hiện như tiết 1.5.1, điểm 1.5, khoản 1, Mục I Hướng dẫn này.

b) Trường hợp khác thực hiện như điểm 1.6, 1.9, khoản 1, Mục I Hướng dẫn này.

1.8. Tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại các khoản trên đây, có từ 400 đảng viên trở lên thì ủy ban kiểm tra có từ 05 đến 07 ủy viên (do cấp ủy quyết định), bố trí 01 phó chủ nhiệm chuyên trách.

1.9. Đảng uỷ bộ phận và chi bộ không lập uỷ ban kiểm tra; tập thể cấp uỷ, chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và phân công 01 cấp uỷ viên phụ trách. Có thể lựa chọn phân công một số đảng viên giúp đồng chí cấp uỷ viên phụ trách làm công tác kiểm tra, giám sát.

1.10. Đối với ủy ban kiểm tra thuộc đảng bộ thực hiện hợp nhất, sáp nhập (gồm cả Đảng bộ Công an), thì số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu trên nhưng không quá tổng số lượng hiện có của các ủy ban kiểm tra trước khi hợp nhất (không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác) chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định.

- Tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới mà chưa kiện toàn đủ số lượng nhân sự ủy ban kiểm tra theo Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định nhân sự ủy ban kiểm tra đảm bảo đủ số lượng theo quy định.

2. Tiêu chuẩn ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp

Tiêu chuẩn đối với ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp theo tiêu chuẩn cấp ủy viên cùng cấp được quy định tại Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong đó, nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

- Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm",... Không để vợ hoặc chồng, con, bố, mẹ ruột bên vợ hoặc bên chồng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

- Có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động,

sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và "sản phẩm" công việc cụ thể, kinh nghiệm trong công tác xây dựng đảng và hiểu biết về lĩnh vực kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng.

- Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với địa phương hợp nhất, sáp nhập, ngoài những tiêu chuẩn trên; trong trường hợp cần cân nhắc, ưu tiên lựa chọn chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy đáp ứng tiêu chuẩn như sau:

(1) Có thời gian tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; kinh nghiệm trong công tác xây dựng đảng (thâm niên nghề; thời gian giữ ngạch Kiểm tra viên cao cấp, ...); có kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý ở các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm (quản lý đất đai, tài chính, tài sản,...);

(2) Địa phương, đơn vị thuộc trách nhiệm cá nhân được phân công phụ trách trực tiếp không có tổ chức đảng, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chủ động trong phòng ngừa, ngăn chặn phát hiện và khắc phục triệt để các vi phạm, khuyết điểm (nếu có);

(3) Đã được quy hoạch chức danh cao hơn.

(4) Cán bộ trẻ; cán bộ có trình độ về khoa học, công nghệ; có thành tích, khen thưởng; kết quả, sản phẩm công tác trong thực hiện nhiệm vụ (đánh giá 03 năm gần nhất).

3. Về độ tuổi

- Thực hiện tuổi giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng; bảo đảm tính kế thừa, phấn đấu có cán bộ nữ, cán bộ trẻ, người dân tộc thiểu số, căn cứ vào tình hình cụ thể các cấp ủy vận dụng bố trí cho phù hợp. Không vì cơ cấu mà hạ thấp chất lượng, tiêu chuẩn ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp.

- Nhân sự được giới thiệu để bầu hoặc chỉ định tham gia uỷ ban kiểm tra cấp uỷ (chức vụ cao hơn), phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm (liền kề) hoặc chức vụ tương đương ít nhất 1 năm (12 tháng). Trường hợp đặc biệt, nếu nhân sự chưa đảm bảo thời gian giữ chức vụ thì giao cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ phải tiến hành: (i) Đánh giá, nhận xét về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết

quả cụ thể trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đối với nhân sự; (ii) Quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**** Lưu ý:*** Trường hợp nhân sự đang giữ chức vụ, chức danh có cơ cấu tham gia ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì không áp dụng thời gian giữ chức vụ ít nhất 01 năm theo quy định để giới thiệu tham gia ủy ban kiểm tra các cấp.

3.1. Nhân sự lần đầu tham gia ủy ban kiểm tra

Thực hiện độ tuổi như lần đầu tham gia cấp ủy cùng cấp theo Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

3.2. Nhân sự được giới thiệu tái cử

- Đối với nhân sự dự kiến giới thiệu tái cử giữ chức chủ nhiệm, phó chủ nhiệm thường trực là cấp ủy khóa mới thì thực hiện như cấp ủy được quy định tại Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Đối với các đồng chí phó chủ nhiệm (trong đó có cả phó chủ nhiệm là cấp ủy viên, không còn đủ tuổi tham gia cấp ủy khóa mới) và ủy viên ủy ban kiểm tra phải còn thời gian công tác ít nhất từ 42 tháng trở lên (tính tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội của mỗi cấp). Thời điểm tính tuổi tham gia ủy ban kiểm tra các cấp là: Cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp trên trực tiếp cơ sở (gồm cả đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Công an Trung ương) tháng 6/2025; đối với đảng bộ các xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh là tháng 7/2025; cấp trực thuộc Trung ương tháng 9/2025, cụ thể:

+ *Đối với cấp tỉnh:* Nam sinh từ tháng 3/1967, nữ sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật thì sinh từ tháng 3/1969 trở lại đây).

+ *Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở:* Nam sinh từ tháng 12/1966, nữ sinh từ tháng 4/1971 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 12/1968 trở lại đây).

+ *Đối với cấp xã, phường, đặc khu:* Nam sinh từ tháng 01/1967, nữ sinh từ tháng 5/1971 (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 01/1969 trở lại đây).

+ *Đối với cấp cơ sở:* Nam sinh từ tháng 10/1966, nữ sinh từ tháng 02/1971 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 10/1968 trở lại đây).

3.3. Về độ tuổi ủy ban kiểm tra đối với một số trường hợp đặc thù

- *Đối với lực lượng vũ trang:* Độ tuổi tái cử ủy ban kiểm tra căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Các đồng chí tham gia ủy ban kiểm tra trong công an tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 42 tháng; trong quân đội phải đủ tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất ½ nhiệm kỳ (30 tháng đối với nhiệm kỳ 5 năm); trường hợp đặc biệt đối với công an còn tuổi công tác từ 30 tháng trở lên đến dưới 42 tháng, đối với quân đội còn tuổi công tác từ 01 năm (12 tháng) đến dưới 30 tháng, nếu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín cao, sức khỏe, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền quyết định.

- *Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp:* Các đồng chí tái cử ủy ban kiểm tra của cấp ủy trong đảng bộ cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp; ủy ban kiểm tra của cấp ủy trong đảng bộ các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tài chính và ngân hàng thương mại nhà nước (hoặc nhà nước có cổ phần chi phối) còn tuổi công tác từ 01 năm (12 tháng) trở lên, do cấp có thẩm quyền quyết định.

- *Tại 04 đảng ủy trực thuộc Trung ương, các đảng ủy trực thuộc và 02 đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy mới thành lập (không bao gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng)*: Các đồng chí giữ chức danh lãnh đạo, quản lý có định hướng cơ cấu tham gia ủy ban kiểm tra đảng ủy 04 đảng ủy trực thuộc Trung ương mới thành lập và ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc; ủy ban kiểm tra đảng ủy ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban kiểm tra đảng ủy các cơ quan đảng cấp tỉnh theo Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị thì đủ điều kiện về độ tuổi tham gia ủy ban kiểm tra; trừ những đồng chí còn thời gian công tác từ 06 tháng trở xuống, đã có thông báo nghỉ hưu theo quy định.

3.4. Đối với những thành viên ủy ban kiểm tra không đủ tuổi tái cử nhiệm kỳ mới thì được thực hiện chế độ, chính sách như đối với cấp ủy viên không tái cử cấp ủy khóa mới theo Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

II- CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, QUY TRÌNH NHÂN SỰ ỦY BAN KIỂM TRA TRƯỚC ĐẠI HỘI

1. Công tác chuẩn bị

1.1. Đối với Đảng bộ không thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập

- Ủy ban kiểm tra các cấp phối hợp với ban tổ chức cấp ủy cùng cấp chuẩn bị

đề án nhân sự ủy ban kiểm tra khóa mới đồng thời với quá trình chuẩn bị nhân sự cấp ủy, báo cáo cấp ủy đương nhiệm (nơi không có ban tổ chức cấp ủy cùng cấp thì ủy ban kiểm tra báo cáo trực tiếp cấp ủy đương nhiệm).

- Căn cứ đề án do ủy ban kiểm tra và ban tổ chức báo cáo, cấp ủy đương nhiệm thảo luận, dự kiến số lượng, cơ cấu, nhân sự cụ thể ủy ban kiểm tra khóa mới.

- Cấp ủy đương nhiệm chỉ đạo công tác chuẩn bị và giới thiệu nhân sự ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra với cấp ủy khóa mới. Trong quá trình chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra, cấp ủy cần phối hợp với ủy ban kiểm tra cấp trên, sau khi đã có dự kiến số lượng, cơ cấu, nhân sự phải trao đổi và thống nhất với ủy ban kiểm tra cấp trên về nhân sự của ủy ban kiểm tra khóa mới (số lượng, danh sách cụ thể). Cấp ủy các cấp gửi tờ trình, đề án nhân sự, hồ sơ, danh sách trích ngang nhân sự ủy ban kiểm tra nhiệm kỳ 2025 - 2030 về ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, cho ý kiến ít nhất trước 35 ngày làm việc tính đến thời điểm dự kiến khai mạc đại hội đảng bộ (tính theo đường bưu điện).

+ Danh mục hồ sơ nhân sự ủy ban kiểm tra thực hiện theo danh mục hồ sơ của nhân sự cấp ủy cấp tỉnh quy định tại Phần B, Phụ lục 4, ban hành kèm theo Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

+ Gửi kèm danh sách quy hoạch của các cá nhân nhân sự ủy ban kiểm tra nhiệm kỳ 2025 - 2030.

+ Ngoài hồ sơ nhân sự bản giấy; đề nghị gửi bản mềm danh sách nhân sự ủy ban kiểm tra nhiệm kỳ 2025 - 2030 được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ *(USB)*.

1.2. Đối với Đảng bộ thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập

Đảng bộ xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (gồm cả các xã không sáp nhập, các xã thuộc diện hợp nhất, sáp nhập đã tổ chức đại hội); đảng bộ (chi bộ) hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới theo chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức, bộ máy thì Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, sắp xếp, bố trí, sử dụng nhân sự ủy ban kiểm tra hiện có của các ủy ban kiểm tra cấp ủy trước khi sáp nhập.

1.3. Về trách nhiệm của ủy ban kiểm tra cấp trên trong công tác nhân sự ủy ban kiểm tra cấp dưới

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy trình công tác nhân sự ủy ban kiểm tra cấp dưới.

- Cho ý kiến về số lượng, cơ cấu nhân sự ủy ban kiểm tra cấp dưới.

- Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền chỉ định, chuẩn y nhân sự ủy ban kiểm tra cấp dưới.

2. Quy trình nhân sự ủy ban kiểm tra

2.1. Đối với Đảng bộ không thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập

Quy trình nhân sự của ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện theo các bước quy định tại Phụ lục 2, ban hành kèm theo Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 26/8/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về quy trình nhân sự ủy ban kiểm tra (ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm) cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Đối với Đảng bộ thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập

Quy trình chỉ định nhân sự của ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện theo quy trình nhân sự cấp ủy cấp tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 được quy định tại mục II, Phụ lục 4, ban hành kèm theo Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

III- THỰC HIỆN BẦU CỬ ỦY BAN KIỂM TRA

1. Việc bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

2. Trong phiên họp đầu tiên của cấp ủy khóa mới, đoàn chủ tịch hội nghị báo cáo với hội nghị về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên trực tiếp để hội nghị xem xét, quyết định; Hội nghị thảo luận về yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, nhân sự và tiến hành bầu ủy ban kiểm tra theo trình tự sau:

- Biểu quyết số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra.

- Bầu ủy viên ủy ban kiểm tra.

- Bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

- Ủy ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra đã được bầu. Sau khi được bầu, chủ nhiệm điều hành công việc của ủy ban kiểm tra khóa mới, được ký văn bản với chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, ủy ban kiểm tra họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên ủy ban kiểm tra.

3. Trường hợp nhân sự được dự kiến giới thiệu để bầu giữ chức chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra không trúng cử vào cấp uỷ, ban thường vụ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cùng cấp, thì ban thường vụ cấp uỷ khoá mới báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp (qua ủy ban kiểm tra cấp trên); sau khi có ý

kiến chỉ đạo mới tiếp tục chuẩn bị và triển khai phương án bầu cử nhân sự theo quy định; cấp ủy phân công phó chủ nhiệm là cấp ủy viên phụ trách điều hành công việc của ủy ban kiểm tra khóa mới, được ký văn bản của ủy ban cho đến khi bầu được chủ nhiệm.

IV- THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CHUẨN Y, CHỈ ĐỊNH ỦY BAN KIỂM TRA

Sau khi có kết quả lựa chọn ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thì cấp ủy gửi hồ sơ đề nghị cấp ủy cấp trên *(qua ủy ban kiểm tra cấp trên)* chuẩn y, chỉ định ủy viên, chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, hồ sơ gồm:

1. Tờ trình của cấp ủy đề nghị chuẩn y, chỉ định ủy ban kiểm tra và các chức danh của ủy ban kiểm tra kèm theo biên bản bầu cử, biên bản kiểm phiếu bầu ủy ban và các chức danh trong ủy ban kiểm tra.

2. Danh sách trích ngang các thành viên ủy ban kiểm tra.

3. Sơ yếu lý lịch của các thành viên ủy ban kiểm tra *(theo mẫu 2C/TCTW-98 của Ban Tổ chức Trung ương, có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ).*

Trên đây là Hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng thay thế Hướng dẫn số 10-HD/UBKTTW, ngày 16/12/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cấp ủy, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương báo cáo về Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ỦY BAN KIỂM TRA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Văn Rón

Nơi nhận:
- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (để phối hợp),
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các đồng chí Thành viên UBKTTW,
- Đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Các vụ, đơn vị thuộc CQUBKTTW,
- Lưu: VT, TH (05b).